

KẾ HOẠCH

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Bảo Thắng, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 huyện Bảo Thắng;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/ĐU ngày 16/12/2024 của Đảng ủy xã Xuân Giao về phương hướng, nhiệm vụ năm 2025;
kết quả thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/12/2024 của HĐND xã Xuân Giao về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, đầu tư công ngân sách xã năm 2025.

Ủy ban nhân dân xã Xuân Giao xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với nội dung như sau:

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025

Năm 2025 là năm diễn ra đại hội Đảng cấp cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030. Tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2025 diễn ra trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn đan xen: là xã nằm ở cửa ngõ khu công nghiệp Tăng Loong, có vị trí địa lý tự nhiên và tiềm năng thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; hệ thống giao thông vận tải; lực lượng lao động dồi dào và có xu hướng chuyển dịch từ lao động trong ngành nông nghiệp sang phi nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, giữ vững; tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của các cơ quan, ban, ngành của huyện. Tuy nhiên theo dự báo tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Thời tiết, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường sẽ ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của Nhân dân. Việc giải quyết các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp... là những khó khăn, thách thức đối với việc tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch năm 2025 của xã.

Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2024, dự báo tình hình năm 2025, UBND xã đề ra những mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, đảm bảo QP-AN năm 2025, như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy nội lực, tập trung duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, NTM nâng cao, thôn kiểu mẫu, gắn với giảm nghèo bền vững; phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; tích cực, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí

hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, quản lý, điều hành và thực thi pháp luật, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Giữ vững, ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Một số mục tiêu chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế (gồm 8 chỉ tiêu)

- (1) Tổng thu nhập xã hội: 798 tỷ 480 triệu đồng.
- (2) Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản chiếm 20%; TTCN chiếm 35%; TM-DV chiếm 45%.
- (3) Thu nhập bình quân/người/năm đạt 90 triệu đồng.
- (4) Giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác đạt 120 triệu đồng.
- (5) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 2.600 tấn.
- (6) Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 2.194,3 tấn. Sản lượng thủy sản: 262 tấn.
- (7) Giá trị CN, TTCN, xây dựng đạt 279 tỷ 468 triệu đồng; Giá trị TM-DV (bao gồm tiền lương, tiền công,...) đạt 359 tỷ 316 triệu đồng;
- (8) Chỉ tiêu thu ngân sách: Thu NSNN 2 tỷ 513,7 triệu đồng. Thu NS xã 11 tỷ 206,1 triệu đồng. Chi NS xã 11 tỷ 206,1 triệu đồng.

2.2. Các chỉ tiêu phát triển văn hoá - xã hội (gồm 8 chỉ tiêu)

- (9) Nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí xã NTM nâng cao đã đạt; duy trì, nâng cao chất lượng 12 thôn kiểu mẫu.
- (10) Phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 80%. Phần đầu đạt 700/1.000 điểm về bộ chỉ số mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước cấp xã.
- (11) Duy trì và nâng cao 3/3 trường học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 01 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; tỷ lệ huy động trẻ từ 6 tuổi đến 14 tuổi đến trường đạt 99,8%. Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương đạt 82%.
- (12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 42,15%. Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm là 185 người.
- (13) Giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2025; giảm 12 hộ/ 56 hộ nghèo, (tương đương giảm 0,53%/năm); giảm 25/67 hộ cận nghèo (tương đương giảm 1,09%/năm).
- (14) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%/ năm. Dân số trung bình 8.872 người.
- (15) Duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế từ 98,2%.
- (16) Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa từ 90% trở lên. Duy trì 92,3% số thôn (12/13 thôn) đạt tiêu chuẩn "Thôn văn hoá"; 100% số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá.

2.3. Về môi trường và lĩnh vực khác (gồm 5 chỉ tiêu)

- (17) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 44%.
- (18) Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý với hình thức phù hợp và đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 97%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo

vệ môi trường đạt 100%; tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường đạt từ 85% trở lên.

(19) Quốc phòng - An ninh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn được giữ vững, ổn định, không để xảy ra điểm nóng; xã xếp loại khá trở lên trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ.

(20) Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn đạt từ 90% trở lên; các kiến nghị, đề nghị của Nhân dân được kiểm tra, giải quyết và trả lời kịp thời đạt 90% trở lên.

(21) Chính quyền xã xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% cán bộ, công chức xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(Có phụ biểu kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Phát triển nông lâm nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM nâng cao.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của các cấp về xây dựng NTM nâng cao, thôn kiểu mẫu gắn với Kế hoạch số 40/KH-ĐU ngày 18/01/2022 của Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát huy tính sáng tạo chuyên cần của Nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của Nhân dân về phát triển kinh tế nông lâm nghiệp trong thời kỳ đổi mới, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị.

- **Về nông nghiệp:** Khai thác sử dụng tối đa diện tích đồng ruộng hiện có, tăng hệ số sử dụng đất, tăng giá trị thu nhập trên 1ha đất canh tác; tập trung chỉ đạo việc thu hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2024-2025, triển khai sản xuất vụ xuân, vụ hè - thu năm 2025 đảm bảo đúng khung thời vụ; đặc biệt trú trọng công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác kênh mương thủy lợi, giống, vật tư nông nghiệp; đưa các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; trú trọng công tác chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, đảo vụ, gối vụ để đạt hiệu quả cao trong sản xuất.

- **Về lâm nghiệp:** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng và PCCCR; Xây dựng và phát triển trồng rừng kết hợp với khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên rừng, đất rừng. Tiếp tục thực hiện tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ, chăm sóc rừng hiện có; thường xuyên củng cố, kiện toàn các Tổ đội xung kích PCCCR; chủ động trong công tác quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; gắn phát triển trồng rừng nguyên liệu với công nghiệp chế biến; quản lý rừng bền vững để đảm bảo việc phát triển lâm nghiệp, đồng thời đảm bảo duy trì về tỷ lệ che phủ rừng. Xây dựng kế hoạch, tổ chức Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ - Ất ty 2025.

- **Về chăn nuôi:** Tiếp tục tái đàn lợn, phát triển đàn đại gia súc, chăn nuôi theo hướng trang trại, bán công nghiệp, đi đôi với tăng cường các biện pháp chăn nuôi đảm bảo vệ sinh, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chăn nuôi, thú y, thực hiện tốt công tác phát triển chăn nuôi;

phòng chống đói rét, dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Vận động, khuyến khích Nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại xa khu dân cư, từng bước hình thành vùng chăn nuôi tập trung quy mô vừa và nhỏ; áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

- **Thủy sản:** Khai thác tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực để phát triển tổng hợp kinh tế thủy sản, đưa thủy sản thực sự trở thành một nguồn thu nhập quan trọng của các hộ gia đình. Đa dạng hoá các loại hình nuôi trồng thủy sản; khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, bán thâm canh, áp dụng khoa học, kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản, tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản lượng thủy sản.

- **Xây dựng nông thôn mới, NTM nâng cao:** Tập trung chỉ đạo các thôn rà soát, duy trì các tiêu chí NTM, thôn kiểu mẫu; tiếp tục duy trì phong trào đường điện, đường hoa, vệ sinh môi trường nông thôn, triển khai xóa nhà xuống cấp, chỉnh trang, sửa chữa nhà văn hóa thôn. Tập trung rà soát đánh giá đúng thực trạng và xây dựng kế hoạch để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao. Tiếp tục tuyên truyền, kêu gọi các cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện Chương trình “mỗi xã một sản phẩm OCOP”.

1.2. Phát triển sản xuất CN - TTCN.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, TTCN, thu hút, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhà xưởng để phát triển sản xuất, tạo việc làm cho lao động tại chỗ, góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung vào phát triển các ngành cơ khí, gia công, sửa chữa, chế biến nông, lâm sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

1.3. Hoạt động Thương mại - Dịch vụ.

Phát triển thương mại, dịch vụ, gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ưu tiên mặt bằng cho hoạt động thương mại - dịch vụ; Khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại - dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động thương mại- dịch vụ; đẩy mạnh trao đổi hàng hoá, kết nối, mở rộng thị trường với các địa phương lân cận.

1.4. Tài chính - ngân sách.

Tăng cường củng cố và phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu; trọng tâm là các giải pháp tăng thu, chống thất thu, nuôi dưỡng nguồn thu, khai thác, mở rộng nguồn thu tiềm năng; khuyến khích, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả để nuôi dưỡng nguồn thu vững chắc, lâu dài cho ngân sách. Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm, bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa chi thường xuyên và đầu tư phát triển.

4. Công tác quản lý đất đai; tài nguyên môi trường; GPMB, phòng chống thiên tai:

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản và môi trường; quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác hoàn thiện hồ sơ đăng ký biến động đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo đúng trình

tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường.

- Phối hợp với các ngành chức năng của huyện, tiếp tục triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định và nâng cao chất lượng công tác thống kê, kiểm đếm, thẩm định hồ sơ thu hồi đất, bồi thường GPMB đảm bảo tiến độ của các công trình, dự án đang triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Tăng cường công tác QLNN về thủy lợi, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; xây dựng và bổ sung phương án, kế hoạch PCTT-TKCN, chủ động trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; công tác di chuyển ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm và khắc phục thiên tai ổn định tại chỗ.

5. Về lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

5.1. Tăng cường, đổi mới nội dung, phương pháp công tác thông tin tuyên truyền.

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, tập trung tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các ngày lễ, các sự kiện chính trị lớn của quê hương đất nước. Lồng ghép công tác tuyên truyền nhiệm vụ chính trị và các nội dung xây dựng NTM nâng cao, tuyên truyền tham gia BHXH, BHYT tự nguyện, tăng tỷ lệ tham gia BHYT trên địa bàn; tuyên truyền các biện pháp phòng, chống các loại dịch bệnh để người dân nâng cao cảnh giác, nghiêm túc thực hiện.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hoá, nhất là các hoạt động văn hoá tâm linh, tín ngưỡng, lễ hội. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với phong trào “xây dựng NTM, đô thị văn minh”. Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của các đội văn nghệ, câu lạc bộ TDTT các thôn.

5.2. Về giáo dục và đào tạo:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và trong dạy và học; triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số trong trường học.

Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục ở tất cả các bậc học; Hoạt động có hiệu quả trung tâm giáo dục, học tập cộng đồng. Duy trì vững chắc, nâng cao chất lượng phổ cập mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tăng cường kiểm tra, quản lý tốt các khoản thu, chi xã hội hóa giáo dục ở các trường học. Duy trì và nâng cao chất lượng 3/3 trường chuẩn quốc gia, trong đó có 01 trường chuẩn mức độ II.

5.3. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân:

Quan tâm công tác chăm sóc, đảm bảo sức khỏe cho nhân dân, kiểm soát, phòng chống dịch bệnh. Thường xuyên nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân, phát huy vai trò và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế xã, y tế thôn; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, khống chế dịch bệnh ở người và gia súc lây sang người, chú trọng và thực hiện tốt việc khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi và khám chữa bệnh cho các đối tượng người có công, gia đình chính sách, người nghèo.

Phối hợp với các ngành chức năng, tăng cường công tác kiểm tra, bảo đảm vệ sinh ATTP; kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm,

không để thực phẩm kém chất lượng lưu hành trên thị trường; kiểm tra hoạt động kinh doanh thuốc, vật tư y tế... Thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia BHYT và BHXH tự nguyện.

5.4. Thực hiện tốt chế độ chính sách, công tác giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm:

Triển khai hiệu quả chính sách giảm nghèo, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất để tăng thu nhập thoát nghèo bền vững. Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ nghề nghiệp cho lao động nông thôn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động, xuất khẩu lao động; chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay giảm nghèo bền vững; chính sách thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN.

Triển khai kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng bảo trợ xã hội, đảm bảo 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện đều được hưởng trợ cấp; giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người có công, duy trì và phát huy hiệu quả các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa"; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Luật trẻ em, các chính sách, chương trình liên quan đến trẻ em; tăng cường thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, tạo vị thế, vai trò của phụ nữ trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

6. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình; duy trì, thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận "Một cửa" UBND xã; Khai thác và sử dụng có hiệu quả Cổng thông tin điện tử huyện, trang thông tin điện tử địa phương. Đổi mới lề lối, tác phong, tinh thần thái độ cán bộ, công chức phục vụ Nhân dân; chấn chỉnh kỷ cương, nề nếp, nâng cao năng lực, ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Thực hiện nghiêm túc việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Tỉnh của huyện và Trung ương. Thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết nhanh chóng, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân.

7. Về quốc phòng- an ninh.

Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; quản lý tốt công công dân tuổi 17, tuổi sẵn sàng nhập ngũ; xây dựng, củng cố lực lượng dân quân xã vững mạnh; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ các dịp lễ, tết, các sự kiện chính trị tại địa phương; chủ động trong ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ.

Tiếp tục phát động, thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; Tăng cường công tác quản lý, theo dõi, nắm chắc tình hình địa bàn, giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc xảy ra theo thẩm quyền; đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; triển khai đồng bộ các giải pháp đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, cờ bạc, trộm cắp tài sản; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, công tác phòng, chống cháy nổ, cứu nạn, cứu hộ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các công chức UBND xã. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ từng công chức chủ động tham mưu, cụ thể hóa các chỉ tiêu bằng kế hoạch, giải pháp; chủ trì, phối hợp với hợp với các bộ phận liên quan triển khai, tổ chức thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Công an xã, Ban CHQS xã. Chủ động tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn xã, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch giao.

3. Các thôn, trường học, trạm y tế xã. Căn chức năng nhiệm vụ được giao, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng nội dung kế hoạch đến toàn thể cán bộ, nhân viên và Nhân dân trong toàn xã, đồng thời cụ thể hoá các chỉ tiêu bằng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp cùng thực hiện kế hoạch; tuyên truyền các nội dung trong kế hoạch đến toàn thể cán bộ, hội viên, đoàn viên và Nhân dân thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

5. Giao công chức Văn phòng - Thống kê xã theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này của các công chức, bộ phận chuyên môn, các đơn vị có liên quan, đảm bảo triển khai thực hiện các công việc được giao theo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả; định kỳ tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện, báo cáo UBND xã. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND xã.

Trên đây là kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 2025 của UBND xã Xuân Giao. Yêu cầu các đơn vị liên quan, công chức chuyên môn, các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND xã;
- MTTQ, các đoàn thể xã;
- Công an xã; Ban CHQS xã;
- Các thôn, trường học, trạm y tế;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quỳnh

Biểu 1-KTXH

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025 - XÃ XUÂN GIAO

(Kèm theo Kế hoạch số: 161/KH-UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Xuân Giao)

Số TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Ghi chú
I	Về kinh tế			
1	Tổng thu nhập xã hội	Tr.đ	798.480	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế:			
-	Nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản	%	20	
-	Tiểu thủ công nghiệp	%	35	
-	Thương mại - dịch vụ	%	45	
3	Thu nhập bình quân/người/năm	Tr.đ/ năm	90	
4	Giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác	Tr.đ	120	
5	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	2.600	
6	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	2.194,3	
7	Sản lượng thủy sản	Tấn	262	
8	Giá trị CN, TTCN, xây dựng	Tr.đ	279.468	
9	Giá trị TM-DV (bao gồm tiền lương, tiền công,...)	Tr.đ	359.316	
10	Chỉ tiêu thu ngân sách:			
-	Thu NSNN	Tr.đ	2.513,7	
-	Thu ngân sách xã	Tr.đ	11.206,1	
-	Chi ngân sách xã	Tr.đ	11.206,1	
II	Về văn hoá - xã hội			
1	Nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM nâng cao đã đạt	Tiêu chí	19/19	
2	Duy trì, nâng cao chất lượng thôn kiểu mẫu	Số thôn	12	
3	Phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	80	
4	Bộ chỉ số mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước cấp xã.	Điểm	700/1000	
5	Duy trì và nâng cao trường học đạt chuẩn quốc gia	Trường	3	
6	Tỷ lệ huy động trẻ từ 6 tuổi đến 14 tuổi đến trường	%	99,8	
7	Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương	%	82	
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt	%	80	
-	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt	%	42,15	
-	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	185,00	
9	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	0,53	Giảm 10 hộ nghèo
10	Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo	%/năm	1,09	Giảm 25 hộ cận nghèo

Số TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Ghi chú
11	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%/năm	1%/năm	
-	Dân số trung bình	Người	8.872,0	
12	Duy trì xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	Duy trì	1	
-	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	98,2	
13	Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	90	
14	Duy trì số thôn đạt tiêu chuẩn "Thôn văn hoá"	%	92,3	12/13 thôn
15	Số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá.	%	100	
III	Về môi trường và lĩnh vực khác			
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	44	
2	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý với hình thức phù hợp và đảm bảo vệ sinh môi trường	%	97	
3	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100	
4	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường đạt	%	85	
5	Tỷ lệ xã xếp loại khá trở lên trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc		Đạt	
6	Chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ.	%	100	
7	Phần đầu Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn	%	> 90	
8	Tỷ lệ các kiến nghị, đề nghị của nhân dân được kiểm tra giải quyết, trả lời kịp thời.	%	90	
9	Chính quyền xã xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tỷ lệ cán bộ, công chức xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	100	

(Kèm theo Kế hoạch số: 161/KH-UBND ngày 31/12/2024 của UBND xã Xuân Giao)

Biểu 2-KTXH

[illegible]

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Huyện giao	Xã phần đầu	Chi tiết các thôn													
					Tiến lợi	Vàng	Giao Bình	Phổ	Hùng Xuân 1	Hùng xuân 2	Hợp Giao	Tân Lợi	Mỏ	Cù Hà	Mường 1	Mường 2	Chành	Đất 5%
2.1	Diện tích bảo vệ rừng	Ha		1.206,1														
2.2	Tỷ lệ che phủ rừng	%		44														
3	Chăn nuôi - thủy sản																	
3.1	Tổng đàn gia súc chủ yếu (Trâu,bò, lợn, dê)	Con	8.765	8.915														
(1)	Tổng đàn trâu	Con	310,0	315,0	35,0	35,0	35,0	25,0	25,0	12,0	6,0	5,0	3,0	60,0	8,0	45,0	21,0	
-	Số con xuất chuồng	Con	35,0	36,0	3,0	4,0	4,0	3,0	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0	7,0	2,0	4,0	2,0	
-	Sản lượng hơi xuất chuồng	Tấn	8,7	9,0	1,0	2,0	1,0	0,7	0,7	0,3	0,2	0,1	0,1	0,7	0,5	1,1	0,6	
(2)	Tổng đàn bò	Con	325,0	330,0	-	25,0	15,0	5,0	30,0	88,0	25,0	26,0	5,0	25,0	65,0	11,0	10,0	
-	Số con xuất chuồng	Con	165,0	190,0	-	18,0	5,0	2,0	20,0	50,0	16,0	15,0	3,0	15,0	35,0	6,0	5,0	
-	Sản lượng hơi xuất chuồng	Tấn	29,7	33,0	-	2,5	1,0	0,5	4,0	8,2	3,0	2,5	0,5	2,5	6,5	1,0	0,8	
(3)	Tổng đàn lợn	Con	8.050	8.185	330	2.100	925	85	2.450	530	650	180	40	365	360	90	80	
-	Số con xuất chuồng	Con	15.295	17.095	760	4.350	1.950	145	4.950	1.120	1.495	340	90	800	800	165	130	
-	Sản lượng hơi xuất chuồng	Tấn	1.499,0	1.556,0	68,8	396,0	185,5	13,0	454,0	98,0	130,0	36,5	8,5	69,7	70,0	14,5	11,2	
(4)	Tổng đàn dê	Con	80,0	85,0		12,0		20,0						53,0				
	Số con xuất chuồng	Con	56,0	60,0		8,0		15,0						37,0				
	Sản lượng hơi xuất chuồng	Tấn	1,1	1,3		0,2		0,3						0,8				
3.2	Tổng đàn gia cầm chủ yếu (Gà, ngan, vịt)	Con	106.500	130.100	9.000	75.000	15.000	1.100	3.000	5.500	5.000	3.500	1.100	3.000	6.500	1.200	1.200	
-	Số con xuất chuồng	Con	213.000	260.200	17.000	140.000	27.600	2.000	5.000	10.000	8.000	6.000	2.000	5.500	12.000	23.000	2.100	
-	Sản lượng hơi xuất chuồng	Tấn	575,1	595,0	40,6	342,0	70,4	4,5	15,0	25,0	23,0	16,0	4,6	13,0	30,0	6,0	5,0	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Huyện giao	Xã phần đầu	Chi tiết các thôn													
					Tiến lợi	Vàng	Giao Bình	Phổ	Hùng Xuân 1	Hùng xuân 2	Hợp Giao	Tân Lợi	Mỏ	Cù Hà	Mường 1	Mường 2	Chành	Đất 5%
-	Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở	Mức độ	3	3														
6	Tổng số trung tâm học tập cộng đồng	Trung tâm	1	1														
F	VĂN HOÁ																	
1	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	90,0	
2	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn văn hóa	%	98,0	92,3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	-	Đạt	Đạt	Đạt	
3	Tỷ lệ cơ quan đạt chuẩn văn hoá	%		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
G	LAO ĐỘNG, GIẢM NGHÈO																	
1	Kế hoạch xoá đói giảm nghèo																	
	Tổng số hộ		2.296,0	2.296,0	175,0	230,0	257,0	143,0	204,0	146,0	220,0	285,0	111,0	170,0	150,0	108,0	97,0	
-	Tổng số hộ nghèo	Hộ	56,0	56,0	4,0	3,0	6,0	2,0	4,0	2,0	4,0	8,0	2,0	11,0	4,0	3,0	3,0	
-	Số hộ nghèo giám trong năm	Hộ	10,0	12,0	1,0	1,0	1,0		1,0		1,0	1,0		3,0	1,0	1,0	1,0	
-	Số hộ nghèo còn lại	Hộ	48,0	48,0	3,0	2,0	5,0	2,0	3,0	2,0	3,0	7,0	2,0	8,0	3,0	2,0	2,0	
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm	%	0,4	0,3	0,6	0,4	0,4	-	0,5	-	0,5	0,4	-	1,8	0,7	0,9	1,0	

[illegible]